

Số: 548 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản trong "Báo cáo kết quả thăm dò
khoáng sản sét làm gạch ngói và đất làm vật liệu san lấp mỏ Kỳ Lãm 1,
phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang"**

(Trữ lượng tính đến tháng 7 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số
22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số
45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng
cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản
trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản;
trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày
30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số
45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 60/2017/QĐ-BTNMT ngày
09/12/2010 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn và Thông
tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 quy định kỹ thuật công tác thăm dò
cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;*

*Căn cứ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Quyết
định số 474/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 về việc thành lập Hội đồng Đánh giá
trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày
01/11/2021 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng
sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ sét Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn,
thành phố Tuyên Quang;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản 10/GP-UBND ngày 29/3/2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cho phép cho phép Công ty trách nhiệm hữu
hạn Hải Minh Tuyên Quang được thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng*

thông thường mỏ đất sét Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang (địa chỉ: Số nhà 487, đường Quang Trung, tổ 16, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang);

Căn cứ kết luận của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang tại Biên bản họp Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản số 04/BB-HĐTLKS ngày 19/8/2022 và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 433/TTr-HĐTLKS ngày 12/9/2022 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sét làm gạch ngói và đất làm vật liệu san lấp mỏ Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản sét làm gạch ngói và đất làm vật liệu san lấp mỏ Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang", với các nội dung chính sau:

1. Tên gọi của báo cáo:

Báo cáo kết quả thăm dò đã xác định trong diện tích thăm dò có khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, bao gồm: sét làm gạch ngói và đất làm vật liệu san lấp. Do đó tên gọi báo cáo kết quả thăm dò được gọi là "**Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản sét làm gạch ngói và đất làm vật liệu san lấp mỏ Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang**".

2. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng và tài nguyên là 15,9 ha có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

3. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đã tính trong báo cáo: Tổng trữ lượng địa chất cấp 122 và tài nguyên cấp 333 là 2.703.000m³; bao gồm:

3.1. Trữ lượng địa chất cấp 122 là 2.487.065 m³, cụ thể:

(1) Thân khoáng sản số 1 (Đất làm vật liệu san lấp) là 1.908.000 m³;

(2) Thân khoáng sản số 2 (Sét làm gạch ngói) là 579.065 m³;

3.2. Tài nguyên địa chất sét làm gạch ngói cấp 333 là 215.935 m³.

4. Các khoáng sản đi kèm: Không.

5. Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác cấp 122 là 2.429.159 m³; bao gồm:

(1) Thân khoáng sản số 1 (Đất làm vật liệu san lấp) là 1.908.000 m³;

(2) Thân khoáng sản số 2 (Sét làm gạch ngói) là 521.159 m³;

6. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 02 kèm theo.

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và nộp lưu trữ địa chất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang; thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- PCT UBND tỉnh phụ trách TNMT;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Như Điều 3;
- Chuyên viên KS
- Lưu VT, (Đ 28).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Phụ lục số 1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN SÉT LÀM GẠCH NGÓI
VÀ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU AN LẬP MỎ KỶ LÂM 1, PHƯỜNG ĐỐI CÁN,
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số 548 /QĐ-UBND ngày
15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Diện tích	Tên điểm	TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC <i>(Hệ toạ độ VN 2000 - Kinh tuyến trục 106⁰, múi chiếu 3⁰)</i>	
		X (m)	Y (m)
Kỳ Lãm 1 15,9 ha	1	²⁴ 03.629	⁴ 18.000
	2	²⁴ 03.557	⁴ 18.327
	3	²⁴ 03.464	⁴ 18.425
	4	²⁴ 03.410	⁴ 18.450
	5	²⁴ 03.308	⁴ 18.299
	6	²⁴ 03.195	⁴ 18.218
	7	²⁴ 03.211	⁴ 18.022
	8	²⁴ 03.311	⁴ 17.991
	9	²⁴ 03.407	⁴ 17.984
	10	²⁴ 03.422	⁴ 17.870
	11	²⁴ 03.465	⁴ 17.853
	12	²⁴ 03.545	⁴ 17.888

Phụ lục số 02
THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

STT	Thân khoáng	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng	Trữ lượng, tài nguyên (m ³)			Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác (m ³)
				Trữ lượng cấp 122	Tài nguyên cấp 333	Tổng cộng	
1	Thân khoáng 1 (Đất làm vật liệu san lấp)	I - 122	+ 45	782.100		782.100	782.100
2		II - 122		607.656		607.656	607.656
3		III - 222		245.424		245.424	245.424
4		IV - 222		272.820		272.820	272.820
		<i>Cộng</i>		<i>1.908.000</i>		<i>1.908.000</i>	<i>1.908.000</i>
5	Thân khoáng 2 (Sét làm gạch ngói)	V - 122	+ 40	325.875		325.875	293.288
6		VI - 122		253.190		253.190	227.871
7		1 - 333			102.260	102.260	
8		2 - 333			113.675	113.675	
		<i>Cộng</i>		<i>579.065</i>	<i>215.935</i>	<i>795.000</i>	<i>521.159</i>
9	Đất phủ					159.000	
Trữ lượng cấp 122							2.487.065
Tài nguyên cấp 333							215.935
Tổng trữ lượng cấp 122 + tài nguyên cấp 333							2.703.000
Đất phủ							159.000
Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác							2.429.159

